

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 3.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |                  |
|--|---|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính (cát, đá, xi măng, thép, gạch xây dựng, gạch ốp lát, sơn, cửa nhôm hệ, thiết bị điện, thiết bị vệ sinh.....) | <p>- Có bảng kê danh mục vật tư (trong đó kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư và nguồn cung cấp).</p> <p>- Có thoả thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp hoặc đơn vị sản xuất, kinh doanh về việc cung cấp vật tư, vật liệu đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiến độ thi công.</p> <p>- Có cam kết về việc cung cấp đầy đủ các loại vật tư, vật liệu.</p> <p><i>(Kèm theo thoả thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu chứng minh đủ điều kiện cung cấp của đơn vị sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp).</i></p> | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đảm bảo điều kiện trên  | <b>Không đạt</b> |
| 1.2. Phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn  | <p>Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn về việc quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, có quyết định công nhận phòng thí nghiệm Las do cơ quan thẩm quyền cấp còn hiệu lực. Trường hợp nhà thầu không có phòng thí nghiệm đủ tiêu chuẩn thì phải thuê một đơn vị tư vấn thí nghiệm đủ năng lực và phải có hợp đồng nguyên tắc hoặc thoả thuận thuê thí nghiệm và chứng chỉ của bên cho thuê kèm theo. Các giấy tờ nói trên là bản gốc hoặc có bản sao có chứng thực.</p>  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đảm bảo điều kiện trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |

|  |                                      |                  |
|--|--------------------------------------|------------------|
|  | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | <b>Không đạt</b> |
|--|--------------------------------------|------------------|

### 3.2. Giải pháp kỹ thuật:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                       |
|---|--|-----------------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có đầy đủ giải pháp kỹ thuật hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.  | <b>Đạt</b>            |
|   | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng từng hạng mục công trình đầy đủ nhưng sơ sài   | <b>Chấp nhận được</b> |
|   | Không đảm bảo 1 trong các điều kiện trên   | <b>Không đạt</b>      |
| 2.2 Trình bày hiểu biết của nhà thầu về hiện trạng thực tế công trình   | Nhà thầu có thuyết minh đáp ứng am hiểu về hiện trạng thực tế công trình;  | <b>Đạt</b>            |
|   | Nhà thầu không đáp ứng về am hiểu về hiện trạng thực tế công trình;  | <b>Không đạt</b>      |
| 2.3 Biện pháp thi công phá dỡ.  | Có giải pháp khả thi (đảm bảo bản vẽ chi tiết của từng biện pháp phù hợp với bản vẽ thiết kế, chi tiết công tác, trình tự thi công và có thuyết minh từng công tác chi tiết kèm theo đảm bảo yêu cầu quy trình, quy phạm, trình tự thi công) | <b>Đạt</b>            |
|   | Không có giải pháp khả thi hoặc thực hiện sai quy trình, quy phạm, kỹ thuật thi công, trình tự thi công, bản vẽ biện pháp thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế  | <b>Không đạt</b>      |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| 2.4 Biện pháp thi công cải tạo nhà hiệu bộ                     | Có giải pháp khả thi (đảm bảo bản vẽ chi tiết của từng biện pháp phù hợp với bản vẽ thiết kế, chi tiết công tác, trình tự thi công và có thuyết minh từng công tác chi tiết kèm theo đảm bảo yêu cầu quy trình, quy phạm, trình tự thi công) | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có giải pháp khả thi hoặc thực hiện sai quy trình, quy phạm, kỹ thuật thi công, trình tự thi công, bản vẽ biên pháp thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế  | <b>Không đạt</b> |
| 2.5 Biện pháp thi công cải tạo nhà lớp học 2 tầng              | Có giải pháp khả thi (đảm bảo bản vẽ chi tiết của từng biện pháp phù hợp với bản vẽ thiết kế, chi tiết công tác, trình tự thi công và có thuyết minh từng công tác chi tiết kèm theo đảm bảo yêu cầu quy trình, quy phạm, trình tự thi công) | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có giải pháp khả thi hoặc thực hiện sai quy trình, quy phạm, kỹ thuật thi công, trình tự thi công, bản vẽ biên pháp thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế  | <b>Không đạt</b> |
| 2.6 Biện pháp thi công cải tạo nhà đa năng                     | Có giải pháp khả thi (đảm bảo bản vẽ chi tiết của từng biện pháp phù hợp với bản vẽ thiết kế, chi tiết công tác, trình tự thi công và có thuyết minh từng công tác chi tiết kèm theo đảm bảo yêu cầu quy trình, quy phạm, trình tự thi công) | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có giải pháp khả thi hoặc thực hiện sai quy trình, quy phạm, kỹ thuật thi công, trình tự thi công, bản vẽ biên pháp thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế  | <b>Không đạt</b> |
| 2.7 Biện pháp thi công rãnh thoát nước, tường rào, nhà vệ sinh | Có giải pháp khả thi (đảm bảo bản vẽ chi tiết của từng biện pháp phù hợp với bản vẽ thiết kế, chi tiết công tác, trình tự thi công và có thuyết minh từng công tác chi tiết kèm theo đảm bảo yêu cầu quy trình, quy phạm, trình tự thi       | <b>Đạt</b>       |

|                 |   |                  |
|-----------------|---|------------------|
|                 | công)   |                  |
|                 | Không có giải pháp khả thi hoặc thực hiện sai quy trình, quy phạm, kỹ thuật thi công, trình tự thi công, bản vẽ biên pháp thi công không đúng theo hồ sơ thiết kế | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|                 | Không thuộc các trường hợp nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.3. Biện pháp tổ chức thi công:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>        | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--------------------------------|--|------------------|
| 3.1. Công tác chuẩn bị         | Công tác chuẩn bị mặt bằng phục vụ thi công bám sát thực tế gói thầu bao gồm công tác dọn dẹp mặt bằng để thi công, bãi đổ thải, công tác phối hợp với chính quyền địa phương, người dân trong quá trình chuẩn bị dọn dẹp mặt bằng để thi công, công tác đấu nối hệ thống điện, nước phục vụ thi công  | <b>Đạt</b>       |
|                                | Công tác chuẩn bị mặt bằng phục vụ thi công không bám sát thực tế gói thầu, nêu chung chung không cụ thể, rõ ràng hoặc không đầy đủ.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.2. Sơ đồ tổ chức công trường | Có sơ đồ tổ chức hệ thống của Nhà thầu trên công trường gồm các bộ phận: quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, tổ đội thi công, vật tư, máy móc thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường và chức năng nhiệm vụ của các bộ phận đặc biệt là vai trò của Ban chỉ huy công trường và kỹ thuật thi công.<br>(Nếu là Nhà thầu liên danh thì phải có thuyết minh cụ thể công tác bố trí tổ chức trên công trường và nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên liên danh). | <b>Đạt</b>       |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
|  | Không có sơ đồ hoặc có sơ đồ nhưng không có thuyết minh nêu rõ chức năng nhiệm vụ của các bộ phận  | <b>Không đạt</b> |
| 3.3. Biện pháp tổ chức thi công, trình tự thi công công trình. | Có thuyết minh Biện pháp kỹ thuật công nghệ thi công chi tiết đầy đủ bám sát thực tế cho các công tác theo hồ sơ thiết kế và hồ sơ mời thầu một cách hợp lý, theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.<br>Đề xuất các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu cho từng hạng mục một cách hợp lý, phù hợp với quy định.<br>Có đầy đủ bản vẽ biện pháp kỹ thuật thi công hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế. | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ tất cả các công tác theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và hồ sơ mời thầu hoặc đề xuất không hợp lý, không phù hợp với gói thầu.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4. Biện pháp huy động máy móc, thiết bị thi công.            | - Có bảng kê danh mục thiết bị thi công đầy đủ số lượng, cụ thể cho công trình theo E-HSMT.<br>- Có cam kết đảm bảo huy động thiết bị thi công theo đúng tiến độ đã đề ra.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### 3.4. Tiến độ thi công:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công <b>không quá 90 ngày kể cả chủ nhật và ngày lễ kể từ ngày khởi công.</b> | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá <b>90 ngày</b> có tính đến điều kiện thời tiết trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định. | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |
| 4.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b) Giữa bố trí nhân lực và                            | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| tiên độ thi công  |   |                  |
| 4.3. Biểu tiên độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiên độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | <b>Đạt</b>       |
|   | Không đáp ứng yêu cầu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không thuộc các trường hợp nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công                                    | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu mục III chương V yêu cầu về xây lắp.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không đáp ứng yêu cầu mục III chương V yêu cầu về xây lắp. | <b>Không đạt</b> |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu mục III chương V yêu cầu về xây lắp.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không đáp ứng yêu cầu mục III chương V yêu cầu về xây lắp. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không thuộc các trường hợp nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.6. An toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>                          | <b>Mức độ đáp ứng</b>             |            |
|--|-----------------------------------|------------|
| <b>6.1. An toàn lao động, an toàn giao thông</b> |                                   |            |
| Biện pháp an toàn lao động                       | Có biện an toàn lao động, an toàn | <b>Đạt</b> |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
| hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công  | giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.                                   |                  |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>  |   |                  |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công            | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>6.3. Vệ sinh môi trường</b>   |   |                  |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công trong đó nêu rõ trách nhiệm của nhà thầu thi công.<br>Biện pháp thu gom vận chuyển, đổ phê thải trong quá trình thi công. | - Có các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|---|--|------------------|
| 7.1. Thời gian bảo hành   | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng <b>12 tháng</b> .  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn <b>12 tháng</b>  | <b>Không đạt</b> |
| 7.2. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm trở | Nhà thầu không có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu trước đây: có cam kết kèm theo để chứng minh                                  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu trước đây: Có thông tin hoặc kết luận hoặc quyết định về nội dung phạt nhà thầu vi phạm tiến | <b>Không đạt</b> |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| lại đây.   | độ, vi phạm hợp đồng của chủ đầu tư  |                  |
| 7.3. Trong vòng 3 năm trở lại đây (từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu). Nhà thầu phải đảm bảo các nội dung sau: | - Nhà thầu cam kết không bị bất kỳ chủ đầu tư/bên mời thầu hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/QH15/2023 ngày 23/6/2024.<br>- Nhà thầu cam kết không vi phạm Khoản 1, Điều 20, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. |                  |
|  | Nhà thầu không cam kết hoặc cam kết không trung thực.  |                  |
| <b>Kết luận</b>  | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không thuộc các trường hợp nêu trên.   | <b>Không đạt</b> |

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

